

Số: 07/2023/QĐST-HNGĐ

Kim Bôi, ngày 13 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 243/2022/TLST-HN&GD ngày 13/12/2022 về "Hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị Q**, sinh năm 1983

- Bị đơn: **Anh Bùi Văn T**, sinh năm 1981

Đều cư trú tại: Xóm Đ, xã X, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Bùi Văn T2**, sinh năm 1963

Cư trú tại: Xóm N, xã X, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

- **Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.**

Người được ủy quyền: Ông **Lê Việt H** – Giám đốc.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn T.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: **Chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn T**, tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Sau khi ly hôn giao **cháu** Bùi Quỳnh H1, sinh ngày 22/9/2009 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Q chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của anh T đối với con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn T có một ngôi nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất khoảng 30m² chị Quyển và anh Thuận tự thỏa thuận.

2.4 Về công nợ chung: Chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn T có vay nợ của ông Bùi Văn T2. Địa chỉ Xóm N, xã X số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi. Số tiền vay tạm tính đến ngày 05/01/2023 tiền gốc 30.000.000 đồng; Tiền lãi là 332.260 đồng.

- Chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn T tự nguyện thỏa thuận. Sau khi ly hôn, anh T được toàn quyền sở hữu và sử dụng nhà và đất.

- Về nghĩa vụ, anh Bùi Văn T phải có trách nhiệm và nghĩa vụ kế thừa trả toàn bộ số dư nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kim Bôi. Số tiền vay tạm tính đến ngày 05/01/2023 tiền gốc 30.000.000 đồng; Tiền lãi là 332.260 đồng. Theo nội dung hợp đồng **sổ vay nợ, mã khách hàng 1700101071**.

- Anh Bùi Văn T có trách nhiệm và nghĩa vụ kế thừa trả nợ cho ông Bùi Văn T2 số tiền vay gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ông T2 không yêu cầu tính lãi suất. Thời hạn trả nợ vào hết ngày 30/4/2023.

2.5 Về án phí: Chị **Bùi Thị Q** tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho cả hai người là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số: 0005267 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Chị **Bùi Thị Q** còn được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
 - VKSND huyện Kim Bôi;
 - Chi cục THADS huyện Kim Bôi;
 - UBND xã X, huyện Kim Bôi
- nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đặng Minh Khoa

